TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 25-9-2017
"V/v Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ - TỈNH HẢI DƯƠNG

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Đình Đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2017/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2017 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1986. Có mặt.

Địa chỉ: thôn Ph L, xã MĐ, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

2.Bị đơn: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Tổ 4 TH, thị trấn PhM, huyện T Th, tỉnh B Rịa -Vũng Tàu. *Anh Luân vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình làm việc nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được UBND xã MĐ, huyện T K, tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13/10/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống cùng với bố mẹ chồng tại thôn V, xã M Đ, đời sống chung ngay từ đầu đã không có hạnh phúc,

vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, kinh tế gia đình khó khăn, anh L ham chơi, không quan tâm tới gia đình, hay chửi tục, xúc phạm tới chị. Chỉ sau một thời gian ngắn sống chung anh chị đã sống ly thân với nhau, đến năm 2011 anh L bỏ vào miền nam sinh sống cho đến nay không ai quan tâm tới ai. Chị H xác định tình cảm vợ chồng giữa chị và anh L không còn, không thể đoàn tụ chung sống hạnh phúc với nhau được nữa nên chị khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn anh L.

Tại đơn trình bày của bị đơn, anh Nguyễn Văn L xác định: Về quá trình kết hôn, thời gian chung sống đúng như chị H trình bày. Anh xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị H không còn, thời gian ly thân đã lâu, hôn nhân không có hạnh phúc, không thể quay lại đoàn tụ được nữa nên anh nhất trí ly hôn với chị H.

Về quan hệ con chung, tài sản chung khi ly hôn. Chị H và anh L đều xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị HĐXX (Hội đồng xét xử) giải quyết cho chị ly hôn anh L. Ngoài ra chị không yêu cầu, đề nghị gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ có quan điểm: Tòa án thụ lý, giải quyết yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy tại Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS); Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị H về ly hôn anh Nguyễn Văn L; Về án phí: chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đương sự trong phần tranh luận, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về tố tụng*: Bị đơn - anh Nguyễn Văn L cư trú tại tổ 4 T H, thị trấn Ph M, huyện T Th, tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu nhưng giữa nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương nơi cư trú của nguyên đơn giải quyết về việc ly hôn. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm

quyền quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập cho anh L đến làm việc, tham gia phiên họp, phiên tòa nhưng do công việc, điều kiện ở xa anh không đến được nên có đơn đề nghị không tiến hành hòa giải, giải quyết, xét xử vắng mặt, do vậy vụ án không tiến hành hòa giải được và Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M Đ, huyện T K ngày 13/10/2009 là hôn nhân hợp pháp. Chị H và anh L đều thừa nhận vợ chồng mâu thuẫn từ lâu do tính cách không hòa hợp trong cuộc sống và không tôn trọng lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau. Năm 2011 anh anh L vào miền nam sinh sống và vợ chồng chính thức sống ly thân từ đó cho tới nay không ai quan tâm tới ai. Chị Hạt và anh Luân đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đều nhất trí ly hôn. Căn cứ quan điểm của các đương sự và của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh L đã thực sự không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cần xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn L là phù hợp.

[3] Về quan hệ con chung, tài sản chung khi ly hôn: Chị Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn L đều xác định vợ chồng không có con chung, không có tài sản chung, nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm dân sự về Hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị H ly hôn anh Nguyễn Văn L.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí sơ thẩm dân sự (Hôn nhân và gia đình) và được đối trừ với số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AB/2014/0002012 ngày 29 tháng 8 năm 2017.

3.Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
-VKSND huyện Tứ Kỳ;
-Chi cục T.H.A.DS huyện Tứ Kỳ;
-UBND xã M Đ, h. T K;
-Các đương sự;
-Lưu hs, vp.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Minh Tân